TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Phạm Viết Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1996.

HKTT: Khu 5, thị trấn KS, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Phố TV, phường MĐ, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Đào Văn C, sinh năm 1993.

HKTT và trú tại: Khu 5, thị trấn KS, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Nh (về việc giao nhận tài liệu và giải quyết tranh chấp về con chung):

Ông **Trần Văn T** – Sinh năm 1975.

Trú tại: Phố TV, phường MĐ, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

(Chị Nh, anh C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Văn T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Đào Văn C được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND thị trấn KS, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/9/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh C về chung sống với nhau tại gia đình bố mẹ chồng ở khu 5, thị trấn KS, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, bất đồng nhau trong việc quản lý kinh tế và do chị là người đồng tính vì vậy vợ chồng không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí có lần xảy ra đánh nhau. Khoảng tháng 09/2018, do anh C đánh chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên sinh sống và ly thân với anh C từ thời gian đó cho đến nay. Suốt khoảng thời gian này, vợ chồng chị không còn quan hệ tình cảm, không liên lạc gì với nhau, không quan tâm nhau và không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn C.

Về con chung: Chị và anh Đào Văn C có 01 con chung là Đào Thiên P, sinh ngày 21/9/2014. Nguyện vọng của chị là muốn được nuôi con Đào Thiên P cho đến khi con chung trưởng thành. Tuy nhiên nếu anh Đào Văn C có nguyện vọng muốn được nuôi con thì chị cũng nhất trí để anh C được quyền nuôi con Đào Thiên P. Bản thân chị không muốn vợ chồng tranh chấp nuôi con mà ảnh hưởng tới con Đào Thiên P.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong trường hợp chị nuôi con chung Đào Thiên P, chị tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị và anh Đào Văn C không có tài sản chung, nợ chung, công sức nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi tòa án thụ lý vụ án, chị Nh có công việc phải đi nước ngoài nên đã ủy quyền cho ông Trần Văn T – là bố đẻ chị Nh nhận văn bản, tài liệu của tòa án và đại diện cho chị trình bày ý kiến về việc tranh chấp con chung. Ý kiến của ông Trần Văn T đồng ý nhận ủy quyền và cũng nhất trí với quan điểm của chị Nh về quyền nuôi con.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đào Văn C trình bày quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Nh được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn KS, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/8/2014 như chị Nh trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh bất đồng nhau về quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên chỉ tự giải quyết với nhau mà không nhờ chính quyền địa phương cũng như gia đình hai bên can thiệp. Khoảng tháng 09/2018, chị Nh đã bỏ về nhà bố mẹ ở thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên sinh sống và vợ chồng anh đã ly thân cho đến nay. Suốt khoảng thời gian này, vợ chồng anh không còn quan hệ tình cảm, không liên lạc gì với nhau, không quan tâm nhau và không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ do đó anh đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn theo như nguyện vọng của chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Nh có 01 con chung là Đào Thiên P, sinh ngày 21/9/2014. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền nuôi con Đào Thiên P cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nếu anh được quyền nuôi con, anh tự nguyện không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh và chị Trần Thị Nh trong cuộc sống chung không có tài sản chung, nợ chung, công sức nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị Nh, bị đơn anh Đào Văn C đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của chị Nh là ông Trần Văn T đồng ý với quan điểm của chị Nh về vấn đề quyền nuôi con, ông Tới thay mặt chị Nh đồng ý giao con chung Đào Thiên P cho anh C nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán,

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Nh, xử cho chị Trần Thị Nh được ly hôn với anh Đào Văn C.

+ Về con chung: Giao cho anh Đào Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đào Thiên P, sinh ngày 21/9/2014, thời gian kể từ tháng 09/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đào Văn C về việc không yêu cầu chị Trần Thị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

+ Về tài sản chung: Chị Nh, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

+ Về án phí: Chị Trần Thị Nh là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Nh khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Đào Văn C, hiện anh C đang cư trú tại khu 5, thị trấn KS, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh đi nước ngoài và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc chị Nh đi nước ngoài phát sinh sau khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có sự thay đổi về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Nh đã có văn bản ủy quyền cho bố đẻ là ông Trần Văn T nhận các văn bản tố tụng của tòa án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đào Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng của chị Nh, anh C tại phiên tòa không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nh và anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh và anh Đào Văn C được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND thị trấn KS, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/8/2014 theo như Giấy chứng nhận kết hôn số 42 (Trích lục kết hôn số 60/TLKH-BS ngày 26/01/2022) do chị Nh cung cấp. Khi đăng ký kết hôn, chị Nh và anh C đều tự nguyện, đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc đăng ký kết hôn lại tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh và anh C đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh bất đồng nhau về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến khoảng tháng 09/2018, chị Nh đã bỏ về nhà bố mẹ ở thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân hai bên không còn quan tâm nhau và không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn. Theo gia đình chị Nh và trưởng khu dân cư số 5, thị trấn KS cũng xác định hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và hai bên đã sống ly thân như chị Nh, anh C trình bày. Nay, chị Nh làm đơn xin ly hôn, hai bên vợ chồng đều xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh, xử cho chị Nh ly hôn anh C là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Nh và anh Đào Văn C đều xác định có 01 con chung là Đào Thiên P, sinh ngày 21/9/2014. Tại phiên tòa, ông Tới là người được chị Nh ủy quyền xác định hiện cháu P đang ở cùng với anh C. Quan điểm của chị Nh và anh C đều có nguyện vọng được quyền nuôi con tuy nhiên hiện nay chị Nh không có mặt tại địa phương, chị đồng ý để anh C nuôi con nếu anh C có nguyện vọng. Xem xét điều kiện nuôi con của anh C thì thấy, anh C hiện nay có nơi cư trú ổn định, có mức thu nhập ổn định từ nghề cơ khí khoảng 9.000.000đ/tháng, hiện đang nuôi con ổn định và nguyện vọng của con chung Đào Thiên P muốn ở cùng với bố vì vậy cần giao cho anh Đào Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Thiên P là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của con và cũng phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C tự

nguyện không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung Đào Thiên P do đó cần chấp nhận sự tự nguyện nêu trên của anh Đào Văn C.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Nh, anh C đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức nên đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Nh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Đào Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Thiên P, sinh ngày 21/9/2014 (hiện đang ở cùng anh C) kể từ tháng 09/2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đào Văn C tự nguyện không yêu cầu chị Trần Thị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Nh không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0003865 ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo về phần quyền nuôi con trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án còn lại (về ly hôn và các vấn đề khác) và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hải